TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST Ngày: 13/04/2018 *V/v: Ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xút xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký - Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 13/04/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 304/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2017 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/03/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 06/04/2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Đinh Xuân Q, sinh năm 1969; Nơi ĐKHKTT: thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị Vcó mặt; anh Qvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Xuân Q kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/1992 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Q thường hay rượu chè, cờ bạc và về hành hạ vợ con. Được mọi người khuyên nhủ anh Q đã thay đổi cho đến năm 1999 do điều kiện kinh tế kho khăn, vợ chồng chị đã chuyển về sinh sống tại thôn P, xã Đ, huyện N. Như sau đó anh Q vẫn chứng nào tật ấy không chịu tu chí làm ăn và thường xuyên đánh đập vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Đến

tháng 11/2017 thì anh Q bỏ về Thái Bình sinh sống, thỉnh thoảng mới về nhà tìm cách gây sự với chị. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân Q.

- Về con chung: Chị và anh Đinh Xuân Q có 02 con chung là cháu Đinh Đức L, sinh năm 1992 và cháu Đinh Đức H, sinh năm 1999 hiện nay hai cháu đã trưởng thành và tự lập được, vì vậy chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung:

+ Về tài sản chung: quá trình khởi kiện và viết bản tự khai chị xác định vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 70 m^2, tại thửa số 559 tờ bản đồ số 4 ở xã Đ, huyện N; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Văn Quyết, trị giá khoảng 200.000.000^đ. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ngày 06/03/2018 chị xác định về phần tài sản vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Đinh Xuân Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng V và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: anh xác định có 02 con chung là cháu Đinh Đức L, sinh năm 1992 và cháu Đinh Đức H, sinh năm 1999 hiện nay hai cháu đã đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh xác định vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 70 m^2, tại thửa số 559 tờ bản đồ số 4 ở xã Đ, huyện N; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Xuân Q, do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, đơn xin ly hôn có xác nhận của ủy ban nhân dân xã Đ đều xác nhận anh Đinh Xuân Q là bị đơn có hộ khẩu tại Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy theo khoản 1 các điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án huyện N thụ lý và giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: anh Đinh Xuân Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V đối với phần tài sản chung của vợ chồng để tự thỏa thuận và không đề nghị giải quyết; việc rút một phần yêu cầu khởi kiên của Chị V trong phạm vi khởi kiện, phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cần được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đó.

[2]. Về nội dụng khởi kiện: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp, thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Đinh Xuân Q là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/1992 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa Chị V và anh Qphát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do anh Q thường hay rượu chè, cờ bạc và về hành hạ vợ con. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau từ tháng 11/2017 đến nay. Mặc dù anh Q cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn mâu thuẫn chưa đến mức trần trọng và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án ra thông báo và gửi cho anh Q đến hòa giải nhưng anh Q không đến và không có ý kiến gì, cho đến khi mở phiên tòa anh Q cũng không có biện pháp hoặc ý kiến gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa Chị V và anh Q chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Các đương sự đều xác định có có 02 con chung là cháu Đinh Đức L, sinh năm 1992 và cháu Đinh Đức H, sinh năm 1999 hiện nay hai cháu đã trưởng thành và tự lập được và không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị V đề nghị vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết, anh Q không có ý kiến gì; nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về công nợ chung: các đương sự đều xác định không có.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải nộp quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 các điều 28, 39; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Đinh Xuân Q.

2. Về con chung: Không xét.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

3.2. Công nợ chung: không có.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng V phải nộp là 300.000^{đ}. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí Chị V đã nộp 300.000^{đ} theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000673 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp là 5.000.000^{đ} (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000674 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Quyền kháng cáo: Chị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình